

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 20/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định, ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Quang và bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Xuân H**, sinh ngày 15/5/1975 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; số căn cước: 030075002857; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số nhà C, đường H, khu đô thị V, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L và bà Lê Thị L1; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến ngày 01/8/2024 được thay đổi bằng biện pháp Bảo lãnh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân H: Luật sư Nguyễn Kiều Đ - Văn phòng L2; địa chỉ: Số A Hồ N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. **Vũ Thị T**, sinh ngày 15/01/1988 tại tỉnh Hải Dương; số căn cước: 030188008298; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T1 và bà Nguyễn Thị H1; có chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến ngày 01/8/2024 được thay đổi bằng biện pháp Bảo lãnh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T: Luật sư Chu Thanh N - Văn phòng luật sư Chu Văn C; địa chỉ: Số A T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. **Đinh Thị H2**, sinh ngày 01/12/1982 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; số căn cước: 030182005332; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số nhà B,

L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Minh H3 và bà Nguyễn Thị T2; có chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến ngày 01/8/2024 được thay đổi bằng biện pháp Bảo lãnh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị H2: Luật sư Phạm Thị D - Văn phòng L3; địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại:* Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần M2; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim T3 – Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần M2; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Liên đoàn lao động tỉnh H; địa chỉ: Số C đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh H; đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan A - Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh H; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1990
 2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993
 3. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993
 4. Chị Vũ Thị H4, sinh năm 1991
- (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2008 Vũ Xuân Hải đăng K thành lập Công ty cổ phần M2, địa chỉ trụ sở: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (Công ty M2) do H là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty có 02 địa điểm sản xuất kinh doanh gồm: trụ sở chính tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương và Chi nhánh tại Khu công nghiệp H, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ngày 06/5/2008, L (LĐLĐ) huyện B thành lập tổ chức Công đoàn cơ sở (CĐCS) Công ty M2, là tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc LĐLĐ huyện B. Ngày 22/7/2008, LĐLĐ huyện B có Quyết định số 01 về việc chỉ định Ban chấp hành Công đoàn lâm thời gồm các ông bà: Vũ Đình M1 - Chủ tịch CĐCS; Trần Quang Đ1 - Phó Chủ tịch CĐCS, phụ trách công tác kiểm tra; Trần Thị H5, Nguyễn Thị Vân A1, Lê Thị X là Ủy viên Ban chấp hành. Ngày 26/12/2017, CĐCS Công ty M2 ban hành Quyết định số 01 về việc ban hành Quy chế thu chi tài chính công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022. Tuy nhiên việc thành lập Ban chấp hành CĐCS chỉ là hình thức, thực chất thực hiện theo sự chỉ đạo của Vũ Xuân H. H quản lý toàn bộ tài chính của CĐCS, mọi hoạt động liên quan đến tài chính

của CĐCS đều phải xin ý kiến của H, các Chủ tịch CĐCS không được tham gia quản lý về tài chính của CĐCS. Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Chủ tịch CĐCS Công ty M2 có 07 lần thay đổi về nhân sự. Ngày 05/4/2017, Vũ Thị T được bổ nhiệm là Kế toán kiêm Thủ quỹ CĐCS Công ty M2.

Theo Nghị định 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính Công đoàn và Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của T4 thì hàng tháng Công ty M2 có trách nhiệm nộp kinh phí công đoàn (KPCĐ) với mức 02% quỹ tiền lương đóng BHXH và tiền đoàn phí công đoàn (ĐPCĐ) với mức 10.000đồng/01 đoàn viên, thu hộ từ lương của đoàn viên, từ tài khoản của Công ty M2 đến tài khoản số 117001366668 mở tại V của Công đoàn Việt Nam. Tuy nhiên từ năm 2017, H chỉ đạo bộ phận kế toán chuyển khoản 14.718.230.681 đồng (gồm tiền KPCĐ và ĐPCĐ) từ tài khoản số 2309211310013 mở tại A2 và tài khoản số 20096315555 mở tại S của Công ty M2 vào tài khoản số 2309201004468 mở tại A2 - Chi nhánh B của CĐCS Công ty M2. Sau đó H chỉ đạo Vũ Thị T là Thủ quỹ công ty kiêm Thủ quỹ CĐCS rút tiền từ tài khoản của CĐCS nhập vào quỹ công ty và sử dụng để chi cho các hoạt động của CĐCS và doanh nghiệp.

Theo quy định về tỷ lệ nộp KPCĐ và ĐPCĐ, trong nhiệm kỳ 2017 - 2022, Công ty M2 phải nộp tổng số 13.353.438.763 đồng về LĐLĐ tỉnh H, được trích lại 9.525.150.646 đồng, nhưng thực tế CĐCS Công ty chỉ nộp 52.000.000 đồng cho Ban Tài chính LĐLĐ tỉnh H (trong đó tiền KPCĐ là 46.000.000 đồng và ĐPCĐ là 6.000.000 đồng), CĐCS Công ty M2 còn phải nộp cho LĐLĐ tỉnh H là 4.286.483.277 đồng. Số tiền còn lại, H chỉ đạo Vũ Thị T và Đinh Thị H2 - Trưởng phòng hành chính chi 10.030.149.675 đồng cho hoạt động của công ty và một phần chi cho hoạt động của CĐCS (chi cho công nhân vào các ngày lễ, tết trong năm như: Tết dương lịch, quốc tế lao động, quốc tế thiếu nhi...). Đến ngày 10/4/2023, khi có quyết định kiểm tra tài chính của T4, H chỉ đạo T và H2 lập không 50 chứng từ kế toán thể hiện nội dung: CĐCS Công ty M2 đã chi cho hoạt động công đoàn với tổng số tiền là 13.383.385.422 đồng, chênh lệch so với thực tế chi của CĐCS Công ty M2 là 3.353.235.747 đồng, trong đó đã xác định số tiền thất thoát cho CĐCS là 3.351.141.078 đồng.

Tại các bản Kết luận giám định số 61 ngày 31/3/2024; số 67 ngày 11/4/2024; số 140 ngày 15/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Chữ ký đứng tên Đinh Thị H2, Vũ Thị T tại các phiếu chi là chữ ký của H2 và T.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKSHD-P1 ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Vũ Xuân H, Vũ Thị T và Đinh Thị H2 về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng cải tạo tại địa phương. Các bị cáo đề nghị sử dụng toàn bộ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả để

hoàn trả cho CĐCS Công ty M2 và nộp KPCĐ, ĐPCĐ của CĐCS Công ty M2 cho LĐLĐ tỉnh H. Bị cáo H tự nguyện sung toàn bộ số tiền đã nộp vượt quá số tiền thiệt hại cho CĐCS Công ty M2, không yêu cầu nhận lại.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật truy tố, các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; cho các bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục điều hành hoạt động sản xuất của Công ty M2.

Đại diện LĐLĐ tỉnh H đề nghị nhận số tiền KPCĐ, ĐPCĐ do CĐCS Công ty M2 còn nợ từ tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 221, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Xuân H, Vũ Thị T, Đinh Thị H2; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Xuân H, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị T và Đinh Thị H2.

Xử phạt Vũ Xuân H 36 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Vũ Thị T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đinh Thị Hiền từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Chuyển số tiền 4.286.483.277 đồng cho LĐLĐ tỉnh H; chuyển số tiền 1.924.616.723 đồng cho CĐCS Công ty M2; chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo H về việc sung quỹ CĐCS Công ty M2 số tiền 324.616.723 đồng. Về vật chứng: Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 case máy tính. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến tháng 12/2022, Vũ Xuân H là Giám đốc Công ty M2, trụ sở tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương đã chỉ đạo Vũ Thị T là Thủ quỹ Công ty M2 và là Kế toán kiêm thủ quỹ của CĐCS Công ty M2 rút tiền của CĐCS Công ty M2 về để nhập vào quỹ của doanh nghiệp nhằm mục đích chi tiêu cho hoạt động của doanh nghiệp và CĐCS. Cuối năm 2022, đầu năm 2023 H đã chỉ đạo T và Đinh Thị H2 là Trưởng phòng nhân sự Công ty M2 lập khống hồ sơ các khoản chi tài chính công đoàn để lấy tiền của quỹ CĐCS chi cho hoạt động của Công ty M2, gây thất thoát tài chính công đoàn số tiền 3.351.141.078 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động quản lý tài chính của CĐCS. Bị cáo H mặc dù không là thành viên BCH của CĐCS Công ty M2, T và H2 tuy trong BCH của CĐCS Công ty M2 nhưng không thực hiện việc thu, chi đúng quy định của Công đoàn mà nhập quỹ của CĐCS vào quỹ công ty để thực hiện chi cho các hoạt động của doanh nghiệp không thuộc phạm vi chi của CĐCS gây thiệt hại cho CĐCS. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo H là người quyết định và giao H2, T làm chứng từ khống và kê chênh tiền nên giữ vai trò đầu vụ. Thao và H2 thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo của bị cáo H nên giữ vai trò sau bị cáo H.

[3] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại; được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo có bố/mẹ được tặng thưởng nhiều Huân chương; bị cáo H có nhiều đóng góp vật chất cho quê hương xây dựng cơ sở hạ tầng và các thiết chế văn hóa; bị cáo T và bị cáo H được Bảo hiểm xã hội tỉnh H tặng Giấy khen nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H là Giám đốc Công ty M2, Công ty thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội được Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng Bằng khen, đây là thành tích của tập thể nên không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H như đề nghị của Kiểm sát viên mà áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt chính:

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Bị cáo T và bị cáo H2 là đồng phạm thứ yếu trong vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với các bị cáo và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị

cáo hưởng án treo cũng đủ trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo H hiện là chủ sở hữu Công ty M2 đã tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn, thực hiện nghiêm chỉnh quy định về nghĩa vụ thuế, BHXH, có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế ở địa phương, được gần 2000 công nhân ký đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục điều hành Công ty, đảm bảo đời sống cho công nhân.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền CĐCS Công ty M2 còn nợ LĐLĐ tỉnh H là 4.286.483.277 đồng, các bị cáo và LĐLĐ tỉnh H đã thỏa thuận các bị cáo bồi thường cho LĐLĐ tỉnh H số tiền này nên cần được chấp nhận và được đối trừ trong tổng số tiền 6.211.100.000 đồng các bị cáo đã nộp;

- Đối với số tiền 3.351.141.078 đồng các bị cáo làm thất thoát của CĐCS Công ty M2 được đối trừ vào số tiền còn lại các bị cáo đã khắc phục là 1.924.616.723 đồng còn 1.426.524.355 đồng tiếp tục đối trừ trong số tiền 1.751.141.978 mà H đã chuyển vào tài khoản của CĐCS Công ty M2; còn lại số tiền 324.616.723 đồng bị cáo H tự nguyện nhập quỹ CĐCS Công ty M2 nên cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng: 01 case máy tính các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu cho phát mai sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 221, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Xuân H, Vũ Thị T, Đinh Thị H2; áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Xuân H; áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Thị T và Đinh Thị H2.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân H, Vũ Thị T, Đinh Thị H2 phạm tội "Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng"

3. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho

UBND phường P, quận L, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H2 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H2 cho UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

5. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

6. Về trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và Liên đoàn lao động tỉnh H, chuyển số tiền 4.286.483.277 đồng trong tổng số tiền 6.211.100.000 đồng từ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương cho LĐLĐ tỉnh H;

- Buộc các bị cáo phải bồi thường cho CĐCS Công ty M2 số tiền 3.351.141.078 đồng đối trừ vào số tiền 1.924.616.723 đồng trong tổng số tiền 6.211.100.000 đồng từ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương cho CĐCS Công ty M2 và số tiền 1.426.524.355 đồng bị cáo Vũ Xuân H đã chuyển vào tài khoản của CĐC Công ty M2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H về việc sung quỹ CĐCS Công ty M2 số tiền còn lại là 324.616.723 đồng (Các bị cáo đã thi hành xong)

(Số tiền 6.211.100.000 đồng hiện đang tạm gửi tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Quyết định chuyển tiền số 6505/QĐ-CAT (PA09) ngày 09/12/2024 của Công an tỉnh H)

7. Về vật chứng: Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 case máy tính (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 02/12/2024).

8. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Xuân H, Vũ Thị T, Đinh Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan ANĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Hữu Hiệu**